

DIỆN TÍCH ĐẤT BỊ THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 5 TRÊN ĐỊA BÀN THÔN HUNG TÂN

Stt	Chủ hộ	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác		
				Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Dương Đình Xuân				3000			1.200.000
2	Lê Văn Đồng	250	1000		7000			3.550.000
3	Lê Văn Thanh	500	1000				7000	6.250.000
4	Nguyễn Chính Anh	600	700		8000			4.150.000
5	Nguyễn Chính Định		1000		8000			3.700.000
6	Nguyễn Chính Hiền	330			2000			1.130.000
7	Nguyễn Chính Hòa	1000	300		15000		12000	16.150.000
8	Nguyễn Chính Hùng		1500		15000		4000	9.750.000
9	Nguyễn Chính Mỹ				3000			1.200.000
10	Nguyễn Chính Phong		830		6000			2.815.000
11	Nguyễn Chính Thái	1150	500		6000			3.800.000
12	Nguyễn Chính Thông				7000			2.800.000
13	Nguyễn Chính Tuấn		700		5000		6000	6.850.000
14	Nguyễn Thị Huệ (Lĩnh)	600	500		2000			1.650.000
15	Nguyễn Thị Tình		940		3000			1.670.000
16	Nguyễn Văn Cường				4000			1.600.000

Stt	Chủ hộ	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác		
17	Nguyễn Văn Liên				3000			1.200.000
18	Nguyễn Chính Thông		330		9000			3.765.000
19	Trần Văn Phú		500		6000			2.650.000
20	Hà Huy Dân				8000			3.200.000
21	Nguyễn Văn Lý				3000			1.200.000
22	Nguyễn Văn Quế		1500				6000	5.250.000
23	Nguyễn Văn Tâm		900				17000	13.200.000
24	nguyễn Văn Thảo		400		2000			1.000.000
25	Nguyễn Văn Tương				4000		6000	6.100.000
26	Trần Hậu Cường		1000				4000	3.500.000
27	Trần Hậu Tiến				2000			800.000
28	Trần Thị Mận	650			4000			2.250.000
29	Trần Thị Thanh				3000			1.200.000
30	Trần Văn Hà	1300	700		3000		1000	3.600.000
31	Trần Văn Lục	1000	300				2000	2.650.000
32	Trần Viết Dũng				3000			1.200.000
33	Trần Viết Hậu				2000			800.000
34	Trương Quang Hồng				5000			2.000.000
35	Trương Quang Thiện	800	250		6000			3.325.000
36	Trương Quang Trung	960	700		3000			2.510.000

Stt	Chủ hộ	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác		
37	Trương Quang Hùng						3000	2.250.000
38	Nguyễn Thị Huệ	980					2000	2.480.000
39	Nguyễn Chính Công (Hiên)						4000	3.000.000
40	Nguyễn Chính Thuận		1200				2000	2.100.000
41	Nguyễn Văn Luận		375				2000	1.687.500
42	Trần Hậu Văn		700					350.000
43	Trương Thị Khương		700					350.000
44	Phan Thị Đào							0
45	Trần Văn Quý		800					400.000
46	Trương Quang Bổng		1000					500.000
47	Trương Quang Nhị							0
48	Nguyễn Chính Tư	200	1000					700.000
49	Nguyễn Văn Quang		500					250.000
50	Nguyễn Thị Hồng		2500				2000	2.750.000
51	Nguyễn Chính Lành	500					5000	4.250.000
52	Nguyễn văn hồng		1000				2000	2.000.000
53	Nguyễn Chính Khanh		650				2000	1.825.000
54	Trần Viết Đệ		1000					500.000
55	Bùi Hồng Phứng		500					250.000
56	Đậu Văn Dương		800					400.000

Stt	Chủ hộ	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác		
57	Bùi Xuân Trí		850					425.000
58	Trần Xuân Hưng		830					415.000
59	Nguyễn Chính Bình		800					400.000
60	Nguyễn Chính Trường		830					415.000
61	Nguyễn Chính Dương		800					400.000
62	Nguyễn Chính Nam	650	500					900.000
63	Trần Hậu Cảnh		1500					750.000
64	Trần Thị Lợi		500					250.000
65	Nguyễn Thị Linh	250	2000					1.250.000
66	Đậu Thị Lý	500	800					900.000
67	Nguyễn Chính Công		800					400.000
68	Trần Văn Trọng	800	400					1.000.000
69	Nguyễn Chính Công (Hiền)		2000					1.000.000
70	Nguyễn Chính Anh	1000						1.000.000
	Tổng	14020	40885	0	160000	0	89000	154.557.500